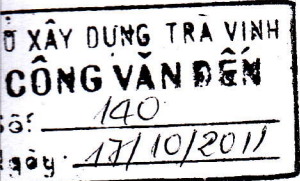


Số: 1647 /QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 14 tháng 10 năm 2011



**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt đề án điều chỉnh Quy hoạch chung  
thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 25/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 03/6/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 20/9/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần về việc xin phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh (đính kèm Báo cáo thẩm định đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh số 06/TĐQH-SXDKTQH, ngày 21/03/2011 và Công văn số 303/SXD-KT.QH ngày 28/7/2011 của Sở Xây dựng),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt đề án điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh với các nội dung sau :

- 1. Tên đề án:** Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
- 2. Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần.
- 3. Địa điểm thực hiện:** Thị trấn Tiểu Cần, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.
- 4. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Phân viện Quy hoạch Đô thị Nông thôn miền Nam.
- 5. Nội dung quy hoạch:**

### 5.1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là 402 ha, gồm ranh giới hành chính của thị trấn Tiểu Cần và một phần diện tích thuộc xã Phú Cần.

b) Ranh giới:

- Phía Tây giáp sông Cần Chông;
- Phía Bắc và Tây Bắc giáp xã Phú Cần.;
- Phía Đông giáp xã Tập Ngãi;
- Phía Nam giáp xã Hùng Hoà và xã Tân Hoà.

### 5.2. Tính chất - chức năng của đô thị

Thị trấn Tiểu Cần là đô thị loại V, huyện lỵ của huyện Tiểu Cần, là trung tâm hành chính, kinh tế, văn hoá, xã hội và an ninh quốc phòng của huyện, đầu mối giao thông quan trọng về đường bộ cũng như đường thủy, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của thị trấn.

### 5.3. Quy mô dân số

- Dân số hiện trạng năm 2009 : 7.215 người;
- Dự báo đến năm 2015 : 8.000 người;
- Dự báo đến năm 2025 : 10.000 người.

### 5.4. Quy mô đất đai :

- Chỉ tiêu đất dân dụng bình quân : 130 - 150 m<sup>2</sup>/người.
- Quy mô diện tích đất dân dụng :
  - + Định hướng đến năm 2015 : 122,71 ha;
  - + Định hướng đến năm 2025 : 157,86 ha.
- Quy mô diện tích đất xây dựng đô thị:
  - + Định hướng đến năm 2015 : 157,95 ha;
  - + Định hướng đến năm 2025 : 195,07 ha.

### 5.5. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

a) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

- Chỉ tiêu đất dân dụng:
  - + Năm 2015: >85m<sup>2</sup>/người;
  - + Năm 2025: 80 - 85m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị:
  - + Năm 2015: 130m<sup>2</sup>/người;
  - + Năm 2025: 150m<sup>2</sup>/người.
- Chỉ tiêu cấp nước:
  - + Năm 2015: 80-100 lít/người/ngđ;
  - + Năm 2025: 120 lít/người/ngđ.
- Chỉ tiêu cấp điện:
  - + Năm 2015: 400 KWh/người/năm;
  - + Năm 2025: 1.000 KWh/người/năm.

b) Hướng phát triển đô thị: *th*

- Phát triển đô thị về hướng Đông theo trục Quốc lộ 60 hiện hữu và đường tránh Quốc lộ 60.

- Xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 54 ở phía Đông thị trấn, nối Quốc lộ 60 hiện hữu với Quốc lộ 54 hiện hữu, đoạn đi huyện Trà Cú.

- Chuyển đổi chức năng Quốc lộ 60 và Quốc lộ 54 hiện hữu thành đường chính đô thị.

- Khu đô thị mới phát triển về hướng Đông Nam và Nam, dọc theo Quốc lộ 54.

### 5.6. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích sử dụng đất đô thị đến năm 2025: 402 ha.

- Đất dân dụng: 157,76 ha;

- Đất ngoài dân dụng: 37,21 ha;

- Đất khác: 206,93 ha.

*Bảng điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025*

S T T	Các loại đất	Sử dụng đất đến năm 2015			Sử dụng đất đến năm 2025		
		Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Đất dân dụng</b>	<b>105</b>	<b>122,71</b>	<b>100</b>	<b>110</b>	<b>157,86</b>	<b>100</b>
	Đất các khu ở	75	87,14	71,02	86	109,26	69,22
	Đất công trình công cộng	6	7,07	5,77	6	8,02	5,08
	- Đất hành chính - cơ quan		0,26			1,21	
	- Đất văn hóa - giáo dục		5,94			5,94	
	- Đất thương mại - dịch vụ		0,87			0,87	
	Đất cây xanh, thể dục thể thao	10	8,72	7,10	12	13,69	8,67
	Đất giao thông	14	19,78	16,11	16	26,89	17,03
			<b>35,24</b>			<b>37,21</b>	
<b>B</b>	<b>Đất ngoài dân dụng</b>						
	Đất trung tâm hành chính		7,12			8,44	
	Đất giao thông		23,22			23,87	
	Đất công trình tôn giáo		4,90			4,89	
	<b>Tổng đất xây dựng đô thị</b>		<b>157,95</b>			<b>195,07</b>	
<b>C</b>	<b>Đất khác</b>		<b>244,05</b>			<b>206,93</b>	
	Mặt nước		10,15			10,15	
	Đất dự trữ phát triển					18,93	
	Đất vườn		82,74			82,74	
	Đất trồng lúa		151,16			95,11	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>402,00</b>			<b>402,00</b>	

### 5.7. Định hướng tổ chức không gian

\* Các khu trung tâm hành chính, công cộng:

- Trung tâm hành chính, gồm Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, các ban ngành, đoàn thể cấp huyện hình thành trên trục Quốc lộ 60 dự kiến nâng cấp và hoàn thiện.

- Trung tâm văn hoá, giáo dục và thể dục thể thao: Xây dựng mới trên trục trung tâm đô thị, hình thành cụm công trình văn hoá - giáo dục. Công trình thể dục thể thao dự kiến xây dựng mới tại khu công viên cây xanh - thể dục thể thao, nằm giữa đường tránh Quốc lộ 60 và Quốc lộ 60 hiện hữu (Phía sau khu trung tâm hành chính mới của thị trấn).<sup>11</sup>

- Khu thể dục thể thao thứ hai được bố trí phía Tây thị trấn, đối diện cơ sở chi nhánh của Trường Đại học Trà Vinh.

\* *Các khu dân cư*: Khu vực đô thị chia thành 04 khu.

- Khu dân cư số 1 (Kí hiệu KDC-1): Khu dân cư trung tâm, mật độ cư trú cao, gần khu vực chợ và Trung tâm thương mại Tiểu Cần, khu Trung tâm văn hoá Tiểu Cần. Quy mô dân số khoảng 5.000 người, diện tích 67 ha, mật độ xây dựng 40% - 70%.

- Khu dân cư số 2 (Kí hiệu KDC-2): Khu dân cư phía Đông, dọc theo Quốc lộ 60 hiện hữu và đường Võ Thị Sáu, mật độ cư trú trung bình. Quy mô dân số khoảng 2.000 người, diện tích 52 ha, mật độ xây dựng 40% - 70%.

- Khu đô thị số 3 (Kí hiệu KDC-3): Khu dân cư phía Đông Quốc lộ 54 hiện hữu, mật độ cư trú thấp. Quy mô dân số khoảng 1.500 người, diện tích 28 ha, mật độ xây dựng 30% - 50%.

- Khu đô thị số 4 (Kí hiệu KDC-4): Khu dân cư phía Tây Quốc lộ 54, mật độ cư trú thấp. Quy mô dân số khoảng 1.500 người, diện tích 35ha, mật độ xây dựng 30% - 50%.

- Điểm dân cư nông thôn: Các khu dân cư nông thôn hiện có được cân đối giữ lại và cải tạo để đáp ứng yêu cầu sản xuất, cải thiện đời sống theo hướng xây dựng vùng nông thôn mới văn minh, hiện đại.

\* *Trung tâm thương mại, dịch vụ*: Khu chợ hiện hữu; dự kiến bố trí thêm một khu thương mại dịch ở phía Tây thị trấn, gần chợ Tiểu Cần.

\* *Công trình công cộng phục vụ đô thị*:

- Xây dựng trường dạy nghề;

- Mở rộng hệ thống các trường trung học cơ sở, xây dựng và trang bị trường đạt chuẩn quốc gia.

- Bổ sung quỹ đất để phát triển văn hóa - giáo dục tại các khu vực: KDC -1, KDC-2, KDC-3.

- Công viên cây xanh - Thể dục thể thao: Bố trí tại vị trí KDC-2. Giải tỏa khu vực ven sông Tiểu Cần, phía Bắc thị trấn gần khu thương mại dịch vụ Tiểu Cần, lấy quỹ đất để phát triển công viên ven sông.

- Khu vực dự trữ phát triển và vùng nông thôn: Phần diện tích còn lại của thị trấn, nằm về phía Đông thị trấn, với diện tích khoảng 18,93ha.

### **5.8. Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị:**

a) Giao thông :

\* *Về giao thông đối ngoại đường bộ*: Đường tránh Quốc lộ 60, nhằm giảm áp lực giao thông trên Quốc lộ 60 hiện hữu.

\* *Về giao thông đối nội đường bộ*:

- Đường cấp đô thị:

+ Quốc lộ 60 có chức năng đối ngoại và đối nội, chuyển đổi chức năng thành đường đô thị. Nâng cấp, mở rộng với quy mô lộ giới suốt toàn tuyến trong khu vực ranh đô thị là 26,00m; phục vụ giao thông toàn thị trấn. #

+ Quốc lộ 54: Đang xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 54 đi vòng qua xã Phú Càn; đoạn đi qua khu dân cư thị trấn chuyển đổi chức năng thành đường đô thị, với lộ giới là 22,00m.

+ Đường số 2: Đoạn từ đường tránh Quốc lộ 60 đến Quốc lộ 60; lộ giới là 15,00m.

+ Đoạn từ đường tránh Quốc lộ 60 đến ranh phía Nam của đô thị, dự liên lộ giới 22,00m.

- Đường khu vực: Nối liền giữa các khu dân cư lớn hoặc các khu dân cư với các công trình cấp huyện. Liên hệ giữa đường phố chính với đường phố khu vực; mở rộng và xây dựng mới các tuyến đường đáp ứng yêu cầu giao thông chính khu vực như: Đường Võ Thị Sáu, đường số 1, đường số 3, đường số 4,...

+ Đường Võ Thị Sáu: Đoạn từ Quốc lộ 60 đến đường Lê Văn Tám, lộ giới: 19,00m; đoạn từ đường Lê Văn Tám đến đường Trần Hưng Đạo; lộ giới: 11,00m.

+ Đường số 1, đường số 3, đường số 4, đường D8, đường D10, đường N3, đường N5, lộ giới: 15,00m.

+ Đường D11, lộ giới: 19,00m.

+ Đường 30/4, đường Lê Văn Tám, đường Hai Bà Trưng; lộ giới: 10,00m.

*\* Đường nội bộ:*

Giao thông liên hệ trong phạm vi nhỏ giữa các khu nội bộ. Gồm các đường: D1, D7, D10, D11, D12, D13, D15, 16, N1, N4, N7, N8, N9, N10, N11.

*\* Bến bãi:*

- Bến xe thị trấn: Diện tích khoảng 0,6ha; vị trí trên đường tránh Quốc lộ 60, giữa đường số 2 và đường số 3.

- Bãi đậu xe: Tổ chức tại các công trình công cộng, trung tâm thương mại và công viên cây xanh.

b) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

- Cao độ xây dựng :

+ Cao độ thấp nhất tại tim đường  $H_{xd} > +2,00$  m.

+ Cao độ xây dựng công trình  $H_{xd} > +2,20$ m

- San nền:

+ Trung tâm thị trấn và các khu vực đã xây dựng tiến hành san lấp cục bộ, hoàn thiện nền công trình đến cao độ  $\geq +2,00$ m trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị. Nâng cấp, cải tạo mạng lưới đường, vỉa hè. Nâng cao độ nền đối với khu vực thấp, tạo hướng thoát nước; san lấp ao hồ và kênh, rạch tạo mặt bằng xây dựng và đảm bảo vệ sinh môi trường.

+ Tuyến đường ven sông và tuyến đường bao quanh thị trấn không chế cao độ đường  $\geq +1,80$  m.

+ Công viên cây xanh, cao độ  $> +1,80$ m.

c) Thoát nước mưa :

- Hệ thống thoát nước mưa của thị trấn được thiết kế chung với nước thải

sinh hoạt, xây dựng tuyến cống bao để tách nước thải tại các miệng xả.

- Các tuyến thoát nước xây dựng mới bằng cống tròn bê tông cốt thép, bố trí dọc các trục đường và theo hướng ngắn nhất.

- Khu vực đã xây dựng không san lấp chỉ tổ chức thoát nước.

- Khu vực còn lại chủ yếu là ruộng lúa, ao hồ và kênh, rạch nhỏ. Các kênh rạch nhỏ, ao hồ trong đô thị được san lấp để tạo mặt bằng xây dựng, đặt cống thoát nước. Các kênh, rạch lớn được giữ lại để thuận lợi cho việc thoát nước mặt. Từng bước trong tương lai, bờ các đoạn kênh, rạch trong đô thị được gia cố, chống sạt lở và bảo đảm mỹ quan đô thị.

#### d) Cấp nước:

- Tiêu chuẩn dùng nước: 120 lít/người/ngđ.

- Tổng nhu cầu dùng nước: Năm 2015: 1.000m<sup>3</sup>/ngày và năm 2025: 1.700 m<sup>3</sup>/ngày.

- Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho thị trấn là nguồn nước ngầm. Trạm cấp nước hiện hữu công suất 380m<sup>3</sup>/ngày sẽ nâng cấp lên 700 m<sup>3</sup>/ngày. Sau năm 2015 xây dựng 01 trạm cấp nước mới gần trục Quốc lộ 54 với công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày phục vụ cho khu đô thị.

- Từ hệ thống cấp nước chính của đô thị bố trí các họng lấy nước chữa cháy Ø100 đặt cách nhau 150m; ngoài ra, phải bổ sung thêm nguồn nước mặt của các sông gần nhất để chữa cháy.

#### e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

##### \* Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thoát nước: 70-80% lượng nước cấp.

- Tổng lượng nước thải: Năm 2015: 634 m<sup>3</sup>/ngày, năm 2025: 1.050 m<sup>3</sup>/ngày.

- Xây dựng hệ thống cống chung thoát nước mưa và nước thải. Xây dựng hệ thống cống bao dọc theo bờ sông, kênh; qua các miệng xả, xây các hố ga kỹ thuật tách dòng, thu gom nước thải đưa về trạm xử lý làm sạch trước khi thải ra sông.

- Hệ thống cống bao có đường kính từ 300mm đến 600mm, thu gom nước thải đưa về trạm xử lý. Khu xử lý đặt ở phía Nam khu đô thị.

- Nước thải từ các công trình được xử lý bằng hệ thống tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi thoát vào cống thoát nước chung, để ra hố tách dòng thu về trạm xử lý nước thải, sau khi làm sạch đạt tiêu chuẩn QCVN14-2008 để thoát ra sông.

##### \* Vệ sinh môi trường:

- Tất cả các công trình đều xây dựng bộ tự đúng tiêu chuẩn để xử lý nước thải trước khi thoát vào cống .

- Nước thải sau khi được xử lý tại trạm xử lý phải đạt các tiêu chuẩn cho phép TCVN 5945-2005 và QCVN14-2008/BTNMT.

##### \* Bãi rác:

- Xây dựng bãi rác tại xã Phú Cần, diện tích: 3 - 5 ha.
- Rác thải tập trung tại các thùng 0,33m<sup>3</sup> đặt tại các góc đường trong khu dân cư, bến xe, khu dịch vụ và chợ, sau đó được Công ty quản lý công trình công cộng thu gom và đưa về bãi rác.

\* *Nghĩa trang nhân dân*: Đặt sau nghĩa trang liệt sĩ huyện, diện tích: 5 - 10ha.

g) Cấp điện :

- Nguồn cấp điện cho thị trấn là nguồn điện lưới quốc gia qua trạm 110KV Trà Vinh và trạm 110KV Trà Cú.

- Để đáp ứng nhu cầu cung cấp điện cho các khu dân cư mới trong đô thị, xây dựng mới các tuyến trung thế 22kV.

- Các trạm hạ thế hiện có được nâng dung lượng trạm để đáp ứng nhu cầu phụ tải; đồng thời phát triển thêm các trạm hạ thế mới, đảm bảo bán kính cấp điện đến các hộ tiêu thụ. Lưới điện chiếu sáng phải đảm bảo về mỹ quan đô thị.

### 5.9. Các dự án ưu tiên đầu tư xây dựng.

a) Khu vực trung tâm đô thị:

- Chính trang các khu dân cư hiện hữu khu vực phía Bắc và phía Nam Quốc lộ 60, xung quanh khu trung tâm thương mại Tiểu Cần và dọc sông Tiểu Cần.

- Xây dựng hoàn chỉnh trung tâm thương mại Tiểu Cần;

- Xây dựng đường tránh Quốc lộ 60 và các khu dân cư dọc Quốc lộ 60 cũ;

b) Khu vực cận đô thị:

- Xây dựng mới khu hành chính của thị trấn và trụ sở làm việc của các ban ngành huyện;

- Xây dựng bến xe Tiểu Cần;

- Xây dựng một số tuyến dân cư dọc Quốc lộ 54 hiện hữu.

- Xây dựng hoàn chỉnh bệnh viện Tiểu Cần.

- Xây dựng các khu chức năng phục vụ công cộng.

**Điều 2.** Trên cơ sở đồ án quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Tiểu Cần phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân thị trấn Tiểu Cần có trách nhiệm:

- Hoàn chỉnh hồ sơ, tổ chức công bố và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt. Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị.

- Triển khai thực hiện dự án quy hoạch xây dựng, phối hợp với các cơ quan có liên quan huy động các nguồn vốn để cải tạo, xây dựng thị trấn theo đúng quy hoạch và pháp luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông Vận tải; Chủ tịch UBND huyện Tiểu Cần và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký././#

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Phòng NC: KTKT, KTTH, TH;
- TTCB;
- Lưu: VT. *loban*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *nhk*



*[Handwritten signature]*  
**Nguyễn Văn Phong**